

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Phải thu tiền mượn của Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến	1,990,392,155		1,990,392,155	
- Phải thu Công ty Cổ phần TM và DL Sài Gòn	10,000,000,000	-	10,000,000,000	(5,000,000,000)
- Công ty CP Everland	8,673,340,473	-	8,673,340,473	-
- Công ty CP Thủ Thiêm Land	1,833,419,641		1,853,419,641	
- Phải thu gốc và lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh (d)	500,000,000	(500,000,000)	500,000,000	(500,000,000)
- Nguyễn Văn Liêm	8,821,874,868		23,900,000,000	
- Công ty TNHH MTV Thanh Niên Bình Định	7,500,000,000		7,500,000,000	
- Phải thu Công ty CP giống gia cầm Miền Nam (b)	14,000,000,000		14,000,000,000	
- Ký quỹ ngắn hạn	441,000,000	(20,000,000)	441,000,000	(20,000,000)
- Các khoản tạm ứng	917,989,106	(203,627,621)	932,744,294	(203,627,621)
- Phải thu khác	369,963,687	(16,519,500)	396,243,122	(16,519,500)
<b>Cộng</b>	<b>806,913,975,664</b>	<b>(3,775,526,332)</b>	<b>868,649,498,461</b>	<b>(8,775,526,332)</b>

'(a) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-3/HĐHT/SEA-NTC/2018 ngày 19 tháng 01 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 305.520.000.000 VNĐ để Công ty cổ phần Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc Nam Tiến với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, Phường 11, q. Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng đến ngày 19 tháng 01 năm 2020 và gia hạn hợp đồng đến 31/12/2021.

'(b) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-2/HĐHT/SEA-SAICOM/2018 ngày 04 tháng 04 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 225.837.800.000 VNĐ để Công ty cổ phần Xây Dựng Bưu chính Viễn Thông với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, Phường 11, quận Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng đến ngày 04 tháng 04 năm 2020 và gia hạn hợp đồng đến 31/12/2021.

'(c) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-1/HĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 03 tháng 04 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 199.912.200.000 VNĐ để Công ty cổ phần vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, Phường 11, quận Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng đến ngày 03 tháng 04 năm 2018 và gia hạn hợp đồng đến 31/12/2021.

(d) Khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001-12.2014/HĐHTKD-SPS ngày 01 tháng 12 năm 2014, Công ty góp vốn với số tiền 500.000.000 VNĐ cho Ông Phạm Nguyễn Khôi để kinh doanh Xuất nhập khẩu, đầu tư sinh lời từ khoản đầu tư của Công ty.

(g) Khoản tiền ứng trước theo hợp đồng hứa mua, hứa bán số 001-2016/HĐH-TĐT/SEA-GGC về việc nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 20 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng 20.000.000.000 VNĐ

### b) Dài hạn

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	476,108,238	(476,108,238)	476,108,238	(476,108,238)
<b>Cộng</b>	<b>476,108,238</b>	<b>(476,108,238)</b>	<b>476,108,238</b>	<b>(476,108,238)</b>

### 8. Tài sản thiếu chờ xử lý

		31/12/2020	01/01/2020
- Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong	(*)	2,288,788,920	2,288,788,920
<b>Cộng</b>		<b>2,288,788,920</b>	<b>2,288,788,920</b>
- Dự phòng phải thu khó đòi		(2,288,788,920)	(2,288,788,920)
<b>Giá trị thuần</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(\*) Bao gồm giá trị của 74,25 tấn hạt nhựa HDPE là 2.288.788.920 đồng, gửi tại kho Tân Đình Phong bị niêm phong bởi các chủ nợ của công ty này (công ty này đã bỏ trốn). Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc này và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán. Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi.

9. Nợ xấu 31/12/2020 01/01/2020

## a) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	8,306,895,676		6,990,811,188	
- Trả trước người bán	344,000,000		344,000,000	
- Phải thu khác	12,876,898,711	-	12,876,898,711	-
- Tài sản thiếu chờ xử lý	2,288,788,920		2,288,788,920	
- Tạm ứng	203,627,621	-	203,627,621	-
- Cầm cố thế chấp ký quỹ ngắn hạn	20,000,000	-	20,000,000	-
	<b>24,040,210,928</b>	<b>-</b>	<b>22,724,126,440</b>	<b>-</b>

## b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	42,922,453,362		42,922,453,362	
- Trả trước người bán	39,209,969,927	-	39,209,969,927	-
- Phải thu khác	476,108,238	-	476,108,238	-
	<b>82,608,531,527</b>	<b>-</b>	<b>82,608,531,527</b>	<b>-</b>

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	1,794,851,696	12,462,121,182	104,986,750	14,361,959,628
Tăng do mua mới	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	-
Số cuối năm	<b>1,794,851,696</b>	<b>12,462,121,182</b>	<b>104,986,750</b>	<b>14,361,959,628</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm	1,791,863,667	4,885,972,551	104,986,750	6,782,822,968
Tăng trong năm	1,493,964	1,426,443,440	-	1,427,937,404
Giảm do thanh lý	-	-	-	-
Số cuối năm	<b>1,793,357,631</b>	<b>6,312,415,991</b>	<b>104,986,750</b>	<b>8,210,760,372</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	2,988,029	7,576,148,631	-	7,579,136,660
Tại ngày cuối năm	<b>1,494,065</b>	<b>6,149,705,191</b>	<b>-</b>	<b>6,151,199,256</b>

## 11. Tài sản cố định vô hình (phần mềm kế toán)

	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/09/2020
Nguyên giá	264,747,900	-	-	264,747,900
Hao mòn lũy kế	264,747,900	-	-	264,747,900
Giá trị còn lại	-	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

12. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	(*) 28,221,525,561	28,221,525,561
<b>Cộng</b>	<b>28,221,525,561</b>	<b>28,221,525,561</b>

(\*) Chi phí liên quan đến xây dựng dự án khu dân cư tại số 678 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. HCM.

**13. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4,847,240,000	1,164,629,000	(3,682,611,000)	4,847,240,000	983,238,000	(3,864,002,000)
Bao gồm:		Số lượng	Đơn giá mua	Trị giá đầu tư	Giá trị dự phòng	
<b>Công ty niêm yết</b>						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		65,610	67,770	1,108,809,000	(3,337,611,000)	
<b>Công ty chưa niêm yết</b>						
(*) - Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn		82	10,000	820,000		
(*) - Cty CP TM Vàng Bạc Đá quý Phương Nam		10,000	40,000	55,000,000	(345,000,000)	
<b>Cộng</b>				<b>1,164,629,000</b>	<b>(3,682,611,000)</b>	

14. Tài sản dài hạn khác	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí khác	19,060,363,465	19,181,547,661
<b>Cộng</b>	<b>19,060,363,465</b>	<b>19,181,547,661</b>

15. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
- Công ty TNHH Ánh Dương Construction	439,035,196	439,035,196
- Công ty TNHH MTV QL KD Nhà TP.HCM		1,842,000,000
- Commodities International Inc	1,485,247,379	1,485,247,379
- Công ty CP Dịch Vụ Quản Lý tài sản 304	24,997,621,000	
- Các nhà cung cấp khác	373,767,725	571,388,725
<b>Cộng</b>	<b>27,295,671,300</b>	<b>4,337,671,300</b>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
- Người mua đặt cọc mua căn hộ Centa Park	24,866,139,792	42,727,951,165
- Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm	1,615,867,600	26,237,767,600
- Các khách hàng khác	210,973,314	185,760,314
<b>Cộng</b>	<b>26,692,980,706</b>	<b>69,151,479,079</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
- Thuế GTGT	18,335,369	67,863,635
- Thuế TNDN	2,162,307,362	240,021,860
- Thuế TNCN	447,548,380	168,000,000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1,009,316,856	953,181,908

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Thuế khác		6,000,000	(6,000,000)	-
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế				-
<b>Cộng</b>	<b>3,637,507,967</b>	<b>1,435,067,403</b>	<b>2,045,215,555</b>	<b>3,015,359,815</b>
<b>18. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>			31/12/2020	01/01/2020
- Phí môi giới, marketing cho Dự án Centa Park			12,345,552,261	12,345,552,261
- Công ty TNHH MTV QL KD Nhà TP.HCM			3,301,818,187	776,181,822
- Công ty CP Giồng Gia Cẩm Miền Nam			3,174,545,455	1,212,727,272
- Lãi vay phải trả			950,484,880	950,484,880
- Chi phí phải trả khác			15,000,000	15,000,000
<b>Cộng</b>			<b>19,787,400,783</b>	<b>15,299,946,235</b>
<b>19. Vay và nợ thuê tài chính</b>				31/12/2020
a) <b>Vay ngắn hạn</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	
- VP Bank	2,408,857,583		310,800,003	2,098,057,580
<b>Cộng</b>	<b>2,408,857,583</b>	<b>-</b>	<b>310,800,003</b>	<b>2,098,057,580</b>
b) <b>Vay dài hạn</b>				
Quỹ hỗ trợ phát triển - CN Hà Nội	186,301,475	-	61,000,000	125,301,475
<b>20. Phải trả ngắn hạn khác</b>			31/12/2020	01/01/2020
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN			155,397,730	151,954,452
- Phải trả lương nhân viên nghỉ việc từ thời điểm cổ phần hóa			81,480,250	81,480,250
- Lãi chậm nộp thuế			3,742,618,763	3,742,618,763
- Cổ tức còn phải trả			1,918,980,093	1,918,980,093
- Phải trả các khoản tiền mượn			18,727,604,157	77,354,777,352
+ Công ty CP Thủ Thiêm Land			13,656,489,635	70,071,258,815
+ Công ty CP Thanh Niên			18,997,358,986	2,889,373,771
+ Các đối tượng khác			5,071,114,522	7,283,518,537
- Khoản nhận vốn góp Hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến dự án Centa Park 678 Âu Cơ, P14, Q. TB (a)			500,282,105,040	500,282,105,040
- Phải trả tiền liên quan đến việc mua bán tài sản			500,000,000	500,000,000
- Khoản phải trả Công ty Dầu Tầm Tơ Việt Nam liên quan đến lãi của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (b)			16,389,333,333	16,389,333,333
- Phải trả liên quan đến việc nhận giữ chỗ mua căn hộ			2,846,847,200	2,846,847,200
- Các khoản phải trả khác			1,582,854,006	1,526,342,448
<b>Cộng</b>			<b>565,224,579,558</b>	<b>607,683,812,702</b>

(a) Theo Hợp đồng hợp tác số 88/HĐ-HTĐT/SEA-TRASECO ngày 18/08/2016 giữa Công ty và Công ty CP TM DV và Xây dựng về việc hợp tác đầu tư dự án Centa Park tại số 678 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình. Công ty góp vốn bằng quyền đầu tư dự án và các hạng mục công trình với giá trị tạm tính 500.000.000.000 đ, Công ty CP TM DV và Xây dựng sẽ góp vốn bằng tiền 500.000.000.000 đ. Các bên được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ dự án theo tỷ lệ góp vốn dự án.

(b) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 03.08/HĐHTKD/SEASG-DTT/2015 ngày 03/08/2015 giữa Công ty và Công ty CP - Tổng công ty Dầu từ tầm Việt Nam. Công ty góp vốn bằng toàn bộ quyền sở hữu đối với công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất tại 1534 Võ Văn Kiệt, P7, Q6. Công ty CP - Tổng công ty Dầu từ tầm Việt Nam góp 14.000.000.000 đ, lãi hợp tác kinh doanh là 2.389.333.333 đ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/12/2019
Vốn góp của chủ sở hữu	396,000,000,000		-	396,000,000,000
Các quỹ	931,464,240	-	-	931,464,240
LNST chưa phân phối	54,693,407,278	23,629,621		54,717,036,899
<b>Cộng</b>	<b>451,624,871,518</b>	<b>23,629,621</b>	<b>-</b>	<b>451,648,501,139</b>
	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	396,000,000,000		-	396,000,000,000
Các quỹ	931,464,240	-	-	931,464,240
LNST chưa phân phối	54,717,036,899	39,197,251	-	54,756,234,150
Lợi ích cổ đông đồng kiểm soát				-
<b>Cộng</b>	<b>451,648,501,139</b>	<b>39,197,251</b>	<b>-</b>	<b>451,687,698,390</b>

**Vốn góp thực tế đến 31/12/2020**

(*) Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ
- Trần Minh Tính	20,381,000,000	5.15%
- Nguyễn Nhân Kiệt	99,000,000,000	25.00%
- Nguyễn Trọng Trí	32,000,000,000	8.08%
- Nguyễn Lê Phan	19,876,000,000	5.02%
- Huỳnh Cao Tuấn	83,755,660,000	21.15%
- Nguyễn Thị Vỹ Phương	16,330,000,000	4.12%
- Nguyễn Khải Hưng	19,000,000,000	4.80%
- Hàn Hồng Hạnh	19,765,000,000	4.99%
- Các cổ đông khác	85,892,340,000	21.69%
<b>Cộng</b>	<b>396,000,000,000</b>	<b>100%</b>

**b) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,600,000	39,600,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu phổ thông	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu phổ thông	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp
<b>Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>		
<b>Ngoại tệ các loại:</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
- USD	3,392.79	3,555.49

50126  
CÔNG  
CỔ PH  
T NHẬP  
THỦY S  
ÀI G  
TP. HỒ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê kho, văn phòng,...)	4,575,214,970	4,564,919,445
<b>Cộng</b>	<b>4,575,214,970</b>	<b>4,564,919,445</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
- Giá vốn dịch vụ	2,382,273,286	2,880,304,026
<b>Cộng</b>	<b>2,382,273,286</b>	<b>2,880,304,026</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	317,400,000	751,219,762
- Lãi tiền gửi, chênh lệch tỷ giá	287,980	
- Lãi từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	20,000,000	
<b>Cộng</b>	<b>337,687,980</b>	<b>751,219,762</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
- Chi phí lãi vay	58,471,040	104,140,102
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(403,501,500)	
<b>Cộng</b>	<b>(345,030,460)</b>	<b>104,140,102</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
- Chi phí nhân viên quản lý	580,623,668	574,212,389
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	67,384,129	29,570,031
- Chi phí khấu hao TSCĐ	346,906,908	346,906,908
- Thuế, phí và lệ phí	264,632,836	305,352,922
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	329,021,122	1,051,942,862
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,429,610,684	1,272,846,485
<b>Cộng</b>	<b>3,018,179,347</b>	<b>3,580,831,597</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
<b>Cộng</b>	-	-
<b>8. Chi phí khác</b>	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
- Thủ lao HĐQT và BKS		
- Phạt vi phạm hợp đồng	180,000,000	240,000,000
- Lãi chậm nộp thuế	54,446,755	70,052,029
<b>Cộng</b>	<b>234,446,755</b>	<b>310,052,029</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động kinh doanh chính	(377,057,065)	(1,559,188,547)
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-
<b>Tổng thu nhập kế toán trước thuế</b>	<b>(377,057,065)</b>	<b>(1,559,188,547)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	271,057,612	216,610,857
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(105,999,453)	(1,342,577,690)
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	-
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chính năm trước mang sang		
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(105,999,453)</b>	<b>(1,342,577,690)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	(21,199,891)	268,515,538
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>(21,199,891)</b>	<b>(268,515,538)</b>

## VII. Những thông tin khác

## 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

## 2. Thông tin về các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

## - Các bên liên quan

+ Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến

+ Công ty CP Thủ Thiêm Land

Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến có người đại diện theo pháp luật là cổ đông lớn của Công ty.

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

- Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến

- Công ty CP Thủ Thiêm Land

Thu tiền mượn

Quý 4 năm 2020

Quý 4 năm 2019

910,000,000

Cộng

-

910,000,000

## 4. Các cam kết khác

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Mai Thu

Trần Thị Mai Thu



Lin Yi Huang